

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/9/2022

V/v : “*Kiến xin ly hôn, tranh
chấp việc nuôi con chung*”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang và ông Ngô Văn Minh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Thị Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Vui, Kiểm sát viên.

Ngày 14/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 142/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/5/2022 về việc Kiến xin ly hôn và tranh chấp việc nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXX-ST ngày 03/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 25/8/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H , sinh năm 1998. Số CMND 142861378, do Giám đốc Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 22/01/2013. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, trú quán: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Hiện ở: Thôn D, phường P, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N , sinh năm 1997. Số CMND 142870405 do Giám đốc Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 22/02/2013. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(*Chị H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, chị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn N từ năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường hay xảy ra xung đột, bất hòa, cãi nhau. Anh N

thường xuyên rượu chè, đàn đúm chơi bời, không chăm lo gia đình, vợ con. Anh N thường đánh chị tàn nhẫn. Năm 2020 chị đã làm đơn xin ly hôn anh N, được sự đồng ý của gia đình, Tòa án và vì con cái nên chị đã rút đơn về đoàn tụ và sinh thêm một con nhưng anh N vẫn không thay đổi dù đã được chị và gia đình, bạn bè động viên, khuyên bảo. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2021 đến nay, không còn quan hệ tình cảm vợ chồng và không còn quan tâm đến nhau.

Nay chị xét thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn đến mức quá trầm trọng, không thể đoàn tụ như Tòa án hòa giải động viên. Vì mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết xin ly hôn anh N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Hà M , sinh ngày 02/11/2017 và Nguyễn Minh Q , sinh ngày 21/8/2021. Cháu Hà M hiện đang ở cùng anh N, cháu Q đang ở cùng chị. Chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Chị hiện lao động tự do, thu nhập bình quân 8.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại Công an xã T, xác định được từ ngay thời điểm trước khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, anh N hiện vẫn đang có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại địa phương thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương. Tòa án đã gửi các Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh N thông qua UBND xã T và gửi qua Bưu điện, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản trên theo thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh N; chị xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Minh Q , chị tự nguyện để anh N được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hà M ; về tài sản chung, nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gì.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa tóm tắt nội dung vụ án và công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh N. Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cháu Nguyễn Minh Q cho chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu Q trưởng thành đủ 18 tuổi, giao cháu Nguyễn Hà M cho anh N được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh N vắng mặt và không có ý kiến gì, sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của Pháp luật. Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

[1] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên toà:* Chị Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn N kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương, là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị H và anh N là do vợ chồng không đồng cảm trong cuộc sống, sinh hoạt. Vợ chồng thường hay xảy ra xung đột, bất hòa, đánh cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2021 đến nay, không còn quan hệ tình cảm vợ chồng và không còn quan tâm đến nhau. Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để giải quyết việc chị H xin ly hôn với anh nhưng anh đều vắng mặt, chứng tỏ anh không còn thương yêu, lưu luyến đối với chị H. Chị H đã một lần gửi đơn xin ly hôn anh N vào năm 2020 nhưng vì con cái, chị đã rút đơn về để đoàn tụ, Tòa án đã đình chỉ việc giải quyết vụ án và vợ chồng chị H anh N cũng đã sinh thêm một cháu bé Nguyễn Minh Q vào năm 2021, nhưng anh N vẫn không thay đổi mặc dù chị và gia đình, bạn bè đã động viên, khuyên bảo nhiều lần. Qua bà Nguyễn Thị Qu, là mẹ đẻ chị H; ông Nguyễn Văn H1, là chú ruột anh N, bà Nguyễn Thị L, là bà nội anh N, chị Nguyễn Thị M1, là mẹ đỡ đầu cháu Nguyễn Hà M con chị H anh

N và qua thông tin chính quyền địa phương cung cấp, vợ chồng chị H anh N có mâu thuẫn; anh N thường hay đánh đập chị H, không chịu làm ăn, không chăm lo cho gia đình, chị H đã cùng con nhỏ Nguyễn Minh Q về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 11/2021 và để lại cháu Nguyễn Hà M cho anh N nuôi dưỡng chăm sóc. Những người thân của anh N đều xác định do là những người theo Đạo nên không muốn anh N chị H ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của Pháp luật. Nay chị H xét thấy vợ chồng không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, chị cương quyết xin ly hôn anh N. Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh N đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh N là phù hợp với quy định tại Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về quan hệ con chung*: Chị H và anh N có hai con chung là Nguyễn Hà M, sinh ngày 02/11/2017 và Nguyễn Minh Q, sinh ngày 21/8/2021. Cháu Hà M hiện đang ở cùng anh N, cháu Q đang ở cùng chị H. Chị H xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Q, chị tự nguyện để anh N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Hà M. Chị H hiện là lao động tự do, thu nhập bình quân 8.000.000đồng/tháng. Anh N không có ý kiến gì. Xét chị H có việc làm và có thu nhập ổn định và hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Q sinh ngày 21/8/2021, chưa đủ 36 tháng tuổi, chị có chỗ ở ổn định tại nhà bố mẹ đẻ; anh N đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hà M. Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, để đảm bảo sự ổn định cho việc chăm sóc nuôi dưỡng và ổn định tâm lý con trẻ, cần thiết giao cho chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Q, giao cho anh N được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hà M là phù hợp.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh N vắng mặt và không có ý kiến gì.

Sau này các đương sự nếu có yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn anh N nên chị phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn N .

3/ Về quan hệ con chung: Chị H và anh N có hai con chung là Nguyễn Hà M , sinh ngày 02/11/2017 và Nguyễn Minh Q , sinh ngày 21/8/2021. Cháu Hà M hiện đang ở cùng anh N, cháu Q đang ở cùng chị H. Giao cho chị Nguyễn Thị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Minh Q , sinh ngày 21/8/2021 đến khi cháu Q trưởng thành đủ 18 tuổi; giao cho anh N được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hà M , sinh ngày 02/11/2017 đến khi cháu Hà M trưởng thành đủ 18 tuổi.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4/ Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2020/0004765 ngày 25 tháng 5 năm 2022.

5/ Về quyền kháng cáo: Chị H và anh N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã Thượng Vũ, huyện Kim Thành;
- Lưu HS, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Trung